TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **95**/2024/LĐ - PT Ngày: 28-8-2024 V/v "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận Hòa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26 tháng 6 và ngày 15, 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 42/2024/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 111/2023/LĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2318/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 7332/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số 11327/TB-TA ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1978. Địa chỉ thường trú: 4 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Minh M, sinh năm 1976. Địa chỉ thường trú: C N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền số 00304 ngày 07/01/2022 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố H). (có mặt)

Bị đơn: Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H. Trụ sở: Phòng 202 – 203

Tầng 2, Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D. Địa chỉ thường trú: 3 P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Phòng W Chung cư S, B N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền – Giấy ủy quyền ngày 08/01/2024)

Người kháng cáo: Bị đơn Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H và bà Lâm Minh M là người đại diện hợp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị Minh H giao kết hợp đồng lao động với Ngân hàng B - Chi nhánh Thành phố H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) từ ngày 23/9/2019 đến ngày 22/9/2020, loại Hợp đồng lao động 1 năm, vị trí làm việc là nhân viên giám sát tuân thủ (trách nhiệm công việc quy định chi tiết tại chính sách tuân thủ của bị đơn) mức lương là: 30.000.000 đồng/tháng.

Ngày 22/8/2020, 30 ngày trước khi hợp đồng lao động hết hạn, bà H có hỏi ông R Shhar Puma là người đại diện theo pháp luật của hàng tại thời điểm đó về việc ký tiếp hợp đồng lao động. Sau khi thống nhất với hàng mẹ vào ngày 25/8/2020 ông Raja Shhar P xác nhận bằng lời nói với bà H sẽ tiếp tục ký tiếp hợp đồng lao động ngoài ra còn đề xuất tăng lương từ 30.000.000 đồng lên 35.000.000 đồng vì những cống hiến và công việc phải kiêm nhiệm phụ trách kế toán và hành chính nhân sự.

Ngày 23 và 24/9/2020 bà H vẫn làm việc tại Ngân hàng B - Chi nhánh T.

Ngày 25/9/2020, bà Trương Thị Minh H đến làm việc tại hàng nhưng không làm việc được do hàng đã khóa hệ thống máy tính của bà từ ngày 24/9/2020. Ông Avinash K yêu cầu bà H sắp xếp nghỉ việc vì ông Gunadhar S là sếp sắp được bổ nhiệm với tư cách là Tổng Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng không đồng ý tái ký hợp đồng lao động mới với bà.

Bà H không đồng ý và giải thích như sau:

Do sau khi HĐLĐ hết hạn bà H vẫn tiếp tục làm việc tại BOI HCMC (Chi nhánh Ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh) nên phải xem xét ký kết hợp đồng lao động mới với bà, nếu không giao kết hợp đồng lao động mới trong vòng 30 ngày thì giữa bà H và BOI HCMC phát sinh hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Ít nhất 15 ngày trước ngày hợp đồng lao động xác định thời hạn hết hạn, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho người lao động biết thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngân hàng không thông báo bằng văn bản cho người lao động biết trước ít nhất 15 ngày, trước ngày hợp đồng lao động xác định thời hạn hết hạn sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau đó bà H tiếp tục làm việc tại Ngân hàng. Tuy nhiên, 13 giờ ngày 25/9/2020 Chi nhánh Ngân hàng đưa bà H biên bản bàn giao xác nhận bà không còn là viên hàng kể từ 13 giờ 21 phút ngày 25/09/2020 kèm định chấm dứt hợp đồng lao động ghi ngày 23/9/2020. Đồng thời gửi văn bản xác nhận với vệ nhà việc không cho bà tiếp tục vào phòng làm việc sau ngày 25/9/2020.

Nhận thấy bà Trương Thị Minh H bị đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật bởi Ngân hàng B - Chi nhánh Thành phố H gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là Ngân hàng B – Chi nhánh Thành Phố H phải:

1. Bồi thường tiền vi phạm hợp đồng trước 45 ngày là 45.000.000 đồng;

2. Bồi thường tiền lương, BHXH, BHYT những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương tạm tính là 437.400.000 đồng cho 12 tháng không được làm việc từ 25/9/2020 đến 25/9/2021 và tiền BHXH, BHYT là 72.900.000 đồng cho 02 tháng tiền lương;

3. Yêu cầu Ngân hàng B – Chi nhánh Thành Phố H nhận bà trở lại làm việc. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý, đề nghị Ngân hàng thanh toán số tiền 120.000.000 đồng.

Bà H phản đối với các chứng cứ của bị đơn giao nộp:

+ Vi bằng số 844/2022/VB/TPL ngày 17/5/2022 không có giá trị pháp lý, thời điểm ngày 25/9/2020 ông Gunadhar S chưa có giấy phép lao động tại Việt Nam, chưa được ủy quyền điều hành, chưa đăng ký là đại diện theo pháp luật của bị đơn nên các văn bản bị đơn phát hành do ông Gunadhar S ký không có giá trị.

+ Ông Gunadhar S dùng email Ngân hàng gửi vào email cá nhân của bà H vào lúc 15 giờ ngày 24/9/2020 đính kèm quyết định nghỉ việc ký lùi ngày 22/9/2023, nhưng khi nộp chứng cứ cho Tòa án, Ngân hàng lại nộp quyết định nghỉ việc do người đại diện ủy quyền ký do đó bị đơn biết rõ ông Gunadhar S ký không có giá trị pháp lý trước thời điểm ngày 25/9/2020.

+ Các đoạn chat trên không chứng minh được tính chân thực, nguyên bản, tính liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - Bà Trương Thị Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu buộc Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H phải trả các khoản nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 tính đến ngày xét xử 27/9/2023: Trả tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày số tiền 45.000.000 đồng; Trả tiền

lương cho những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử 36 tháng 02 ngày (từ ngày 25/9/2020 đến ngày 27/9/2023) là 1.082.000.000 đồng (mức lương: 30.000.000 đồng/tháng) cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 60.000.000 đồng, tổng cộng: 1.142.000.000 đồng; Và trả tiền BHXH, HYT theo mức lương tháng là 30.000.000 đồng/tháng cho những ngày bà H không được làm việc từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử là ngày 27/9/2023 theo quy định pháp luật; Nhận bà H trở lại làm việc, trường hợp bị đơn không đồng ý, nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán 04 tháng tiền lương số tiền 120.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Ngọc Trâm A là Người đại diện theo ủy quyền của đơn Ngân hàng B - Chi nhánh H trình bày:

Ngày 23/9/2019, Ngân hàng B - Chi nhánh Thành phố H và bà Trương Thị Minh H đã ký kết đồng lao động số: BOIHCMC/PRS/19-20/130. Thời hạn hợp đồng là 01 (một) năm tính từ ngày 23/9/2019 đến ngày 22/9/2020.

Trong quá trình làm việc tại Ngân hàng, bà H đã nhiều lần đề xuất tăng lương nhưng Ngân hàng không đồng ý, nếu bà H vẫn không cảm thấy hài lòng thì hai bên sẽ chấm dứt hợp đồng khi hết hạn (hai bên chỉ trao đổi miệng, không lập biên bản). Đến ngày 22/9/2020 Ngân hàng đã ban hành định chấm dứt đồng lao động số: BOIHCMC/AVK/001 ngày 22/9/2020 đồng thời khóa tài khoản của bà H để bảo mật thông tin và dữ liệu vào cuối ngày 22/9/2020 (ngày làm việc cuối cùng của bà H). Mặc dù hai bên chưa ký biên bản bàn giao định nhưng bà H đã biết và đồng ý với việc hợp đồng sẽ không được hai bên gia hạn và bà tự đề nghị vào ngày 23/9/2020, bà sẽ đến phòng để bàn giao các công việc.

Ngày 23/9/2020, bà H đã đến Văn phòng và bàn giao công việc cho ông Avinash K – Phó Giám đốc Ngân hàng. Ngân hàng cũng đề nghị bàn giao cho bà H định chấm dứt đồng lao động nhưng bà H không nhận nên không thể ký biên bản bàn giao.

Ngày 24/9/2020, bà H tiếp tục tự ý đến Văn phòng bất chấp sự phản đối từ phía Ngân hàng. Ngân hàng tiếp tục bàn giao cho bà định chấm dứt đồng lao động nhưng bà H vẫn không nhận và không đồng ý ký tên vào biên bản bàn giao. Do đó, lãnh đạo Ngân hàng đã gửi email thông báo chấm dứt đồng lao động cho bà H và đính kèm định chấm dứt đồng lao động số: BOIHCMC/AVK/001 ngày 22/9/2020.

Đồng thời, Ngân hàng cũng đính kèm theo email trên Thư chấm dứt hợp đồng lao động số BOIHCMC/PRS/19-20/130 ngày 23/9/2019 đến bà H có nêu rõ về hành vi trái phép mà bà đang làm. Khi lãnh đạo Ngân hàng tiếp tục bàn giao cho bà H quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động và T chấm dứt hợp đồng lao động số BOIHCMC/PRS/19-20/130 nói trên thì bà H không nhận. Sau khi xảy ra xô xát, bà H đã đồng ý ký vào biên bản bàn giao Quyết định chấm dứt

Hợp đồng lao động. Mặc dù Quyết định đã được ban hành đúng thời điểm (22/9/2020) nhưng bà H cố tình không nhận bàn giao nên ngày ký nhận bàn giao là ngày 25/9/2020.

Ngày 29/9/2020, Ngân hàng đã thanh toán tiền lương tháng 9/2020 cho bà H bằng việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng hoàn toàn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà H bởi vì:

- Bà H khởi kiện và cho rằng Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà nhưng thực tế Hợp đồng lao động giữa hai bên đã chấm dứt vì hết hạn hợp đồng lao động. Bên cạnh đó, vào ngày 22/9/2020 (ngày làm việc cuối cùng theo hợp đồng lao động), Công ty đã ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng, bà H cũng không còn tiếp tục làm việc nên quan hệ lao động giữa hai bên đã chấm dứt căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 6 Điều 192 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Các nghĩa vụ liên quan sau khi hợp đồng lao động chấm dứt (thanh toán tiền lương, chốt sổ bảo hiểm), Ngân hàng cũng đã thực hiện đầy đủ.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 111/2023/LĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đơn:

Buộc hàng Ban B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Minh H các khoản sau: Bồi thường tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 45.000.000 đồng; Trả tiền lương cho những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc tính đến ngày xét xử là 36 tháng 02 ngày (từ ngày 25/9/2020 đến ngày 27/9/2023) là 1.082.000.000 đồng (mức lương: 30.000.000 đồng/tháng) và bồi thường với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 60.000.000 đồng, tổng cộng: 1.142.000.000 đồng; Trả tiền hiểm xã hội, hiểm y tế theo mức lương tháng là 30.000.000 đồng/tháng cho những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử là ngày 27/9/2023 theo quy định pháp luật. Bồi thường 02 tháng tiền lương số tiền là 60.000.000 đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đơn: Buộc hàng Ban B of India thanh toán cho bà Trương Thị Minh H số tiền bồi thường 02 tháng tiền lương do không nhận trở lại làm việc là 60.000.0000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và kháng

cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2023, bị đơn hàng Ban B - Chi nhánh Thành Phố H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn trình bày:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do:

Khi Hợp đồng lao động ký ngày 23/9/2019 kết thúc giữa Ngân hàng và bà H không có bất cứ thỏa thuận nào cho thấy Ngân hàng đồng ý cho bà H tiếp tục làm việc. Việc Ngân hàng không có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho bà H biết trước 15 ngày vì bà là nhân viên duy nhất phụ trách pháp chế cho Ngân hàng bao gồm cả pháp luật lao động nên bà đã không thực hiện thông báo chấm dứt hợp đồng lao động bằng văn bản cho chính bà tuy nhiên thực tế nguyên đơn đã biết hợp đồng lao động hết hạn thể hiện qua nội dung tin nhắn với ông Gunadhar S, đồng thời bà H cũng thông báo cho ông Gunadhar S sẽ đến bàn giao công việc vào ngày hôm sau tức ngày 23/9/2020.

Ngày 22/9/2020, Ngân hàng đã giao cho bà H quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nhưng bà không đồng ý nhận nên các bên không thể ký vào biên bản, vì lẽ đó bị đơn mới phải gửi email cho bà H, nội dung email ngày 24/9/2020 của hàng nêu rõ do bà H không đồng ý nhận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động nên Ngân hàng mới gửi email này.

Vi bằng số 844/2022/VB-TPL ngày 17/5/2022 thể hiện: Việc tối ngày 22/9/2020 nguyên đơn đã dùng tài khoản Whatsapp bằng số 0909.77.84.10 để nhắn tin cho ông Gunadhar S là số bà H sử dụng để liên lạc trong quá trình làm việc tại hàng cũng như số liên lạc hồ sơ khởi kiện thể hiện rõ nội dung đoạn tin nhắn được dịch theo tiếng Việt nguyên đơn thông báo sẽ bàn giao công việc cho ông Avinash K và rời đi. Việc nguyên đơn đề xuất lên phòng ngày 23/9/2023 bàn giao công việc nhằm chấm dứt hợp đồng là ý muốn chủ quan của nguyên đơn không phải theo yêu cầu của hàng. Tin nhắn còn thể hiện rõ ông Gunadhar S vẫn giữ nguyên quyết định của mình về việc không đồng ý tiếp tục hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Bà H không có chứng cứ chứng minh đã đến Ngân hàng để làm việc vào các ngày 23, 24, 25 tháng 9 năm 2020. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ động khi hợp đồng lao động hết hạn và bà H không tiếp tục làm việc cho Ngân hàng, các bên không phát sinh nghĩa vụ ký kết hợp đồng lao động mới không mặc nhiên chuyển thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Bị đơn đã thi hành án số tiền 1.080.000.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 1582/QĐ-CCTHADS ngày 02/01/2024 của Chi cục trưởng Chi cục

Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thi hành án là do cơ quan Thi hành án Quận A buộc bị đơn thi hành mặc dù bị đơn đã thông báo cho biết bản án sơ thẩm đã bị kháng cáo và đang chờ được giải quyết phúc thẩm. Căn cứ để chứng minh cho việc bị đơn không tự nguyên thi hành án được thể hiện tại Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 08/01/2024 có nội dung như sau "*... vì vậy Ngân hàng B of India chưa đồng ý thi hành khoản tiền phải trả cho bà H cho đến khi có bản án phúc thẩm. .... Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 ghi nhận ý kiến trình bày của đại diện Ngân hàng B để làm cơ sở xử lý hồ sơ theo quy định đồng thời yêu cầu ngân hàng nghiêm chỉnh bản án đã có hiệu lực pháp luật*". Như vậy, chính Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 cũng xác định chỉ thi hành bản án có hiệu lực pháp luật nhưng lại ra quyết định thi hành đối với bản án chưa có hiệu lực là vi phạm quy định của pháp luật. Do bị cơ quan thi hành án gây sức ép yêu cầu buộc phải thi hành án nếu không sẽ phong tỏa tài khoản Ngân hàng, cấm xuất nhập cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (nói miệng khi làm việc không có ghi trong biên bản). Do Ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam, đại diện là người nước ngoài không am hiểu về pháp luật Việt Nam và thường xuyên phải xuất nhập cảnh, nên buộc phải thi hành để đảm bảo hoạt động ổn định. Ngày 16/01/2024, Ngân hàng đã nộp tiền tại thi hành án đối với khoản tiền trên.

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà H xác định các nội dung tin nhắn trao đổi trên ứng dụng Whats do bị đơn giao nộp không phải do bà nhắn tin.

Đối với nội dung email được cho là của ông Avinash K gửi không có tính xác thực nội dung nên không có cơ sở, thời điểm đó bà H làm việc trực tiếp với người đứng đầu Chi nhánh Ngân hàng chứ không làm việc với ông Avinash K. Khi hợp đồng lao động hết hạn Ngân hàng đã không thông báo bằng văn bản cho người lao động biết trước ít nhất 15 ngày đồng thời theo biên bản về việc bàn giao quyết định thôi việc ngày 25/9/2020 bên Ngân hàng đã xác nhận: *"Kể từ thời điểm 13 giờ 21 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2020, bà Trương Thị Minh H không còn là nhân viên của Ngân hàng B- Chi nhánh T1…"*. Như vậy từ ngày 23/9/2020 đến ngày 25/9/2020 bà vẫn là nhân viên của Ngân hàng, Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày bổ sung:

Thống nhất với ý kiến của đại diện nguyên đơn, bà xác định vẫn đến Ngân hàng làm việc vào ngày 23, 24 và ½ ngày 25/9/2020, thời gian này bà ký một số giấy tờ cho ngân hàng chứ không làm việc trên máy tính. Về quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Ngân hàng B1 có một Quyết định mà 2 người ký

khác nhau, quyết định thứ nhất do ông Gunadhar S ký gửi email cho bà là không hợp lệ bởi vì thời điểm này ông Gunadhar S chưa được công nhận là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, đến ngày 25/9/2020 Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giao cho bà lại do ông Avinash K ký.

Nguyên đơn xác nhận có nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 và đã được nhận số tiền 1.082.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án, hiện nay đã tiêu xài hết. Hiện không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản tiền do bị đơn đơn phương chấm hợp đồng lao động và yêu cầu bị đơn nhận trở lại làm việc, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 26/6/2024 để xác minh thu thập tài liệu về việc thi hành án giữa các bên đương sự tại Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời tại Công văn số 3091/CCTHADS ngày 12/7/2024 cho biết: Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của bà H (nguyên đơn) Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định thi hành án số 1582/QĐ-CCTHADS ngày 02/01/2024 thi

hành các khoản sau: *Buộc hàng Ban B có nghĩa vụ trả tiền lương cho những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc tính đến ngày xét xử là 36 tháng 02 ngày (từ ngày 25/9/2020 đến ngày 27/9/2023) là 1.082.000.000 đồng. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.* Sau khi ban hành Quyết định thi hành án thì Ngân hàng B - Chi nhánh Thành phố H đã tự nguyện nộp số tiền trên cùng lãi cho bà H. Ngày 24/01/2024 Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã chi trả xong tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản.

Sau khi có kết quả trả lời xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 25/7/2024, Hội đồng xét xử có Thông báo số 11327/TB-TA thông báo cho Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và những người tham gia tố tụng trong vụ án được biết thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày và sự thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Thành phố H và bà H có xác lập Hợp đồng lao động có thời hạn số BOIHCMC/PRS/19-20/130 ngày 23/9/2019. Thời hạn hợp đồng là 01 (một) năm tính từ ngày 23/9/2019 đến ngày 22/9/2020. Vị trí làm việc: Nhân viên tuân thủ; Mức lương hàng tháng là: 30.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn có các điều khoản chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn căn cứ vào hợp đồng không xác định thời hạn giữa các bên để khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 42 Bộ động năm 2012 do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

Tại phiên tòa bà H xác định trong thời gian làm việc tại Ngân hàng B bà đã sử dụng số điện thoại +84 90 997 84 10 và hiện nay bà vẫn đang sử dụng số điện thoại này, đồng thời xác định hộp thư điện tử là của bà.

Xét thấy, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ: *"Thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo…", "Văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập tại chỗ được coi là chứng cứ nếu việc lập văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định"*, khoản 3 Điều 2 và Điều 36 ngày 08/01/2020 quy định về vi bằng, thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng, giá trị pháp lý của như sau: *"Vi bằng là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi có thật do Thừa phát lại trực*

tiếp chứng kiến, lập theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của Nghị định này." và "1. Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc, trừ các trường hợp quy định tại Điều 37 của Nghị định này.; 2. Vi bằng không thay thế văn bản công chứng, văn bản chứng thực, văn bản hành chính khác.; 3. Vi bằng là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ việc dân sự và hành chính theo quy định của pháp luật; là căn cứ để thực hiện giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật…". Đối chiếu với các quy định trên có đủ cơ sở xác định cuộc hội thoại trên WhatsApp ngày 22, 23/9/2020 giữa số điện thoại +84 90 997 84 10 có tên Ms Hue Vietnam với số điện thoại +919444589808 có tên Gunadhar S và thư điện tử trao đổi giữa Ngân hàng (email) với bà H (email) do Văn phòng T2 lập Vi bằng số 844/2022/VB-TPL ngày 12/5/2022 đã dịch sang tiếng Việt chứng thực hợp pháp được xác định là chứng cứ trong vụ án.

Bà H xác định số điện thoại +84 90 997 84 10 là của bà, bà đã và đang sử dụng số điện thoại này nhưng bà không hề nhắn tin với ông Gunadhar S vì vậy cuộc hội thoại ngày 22/9/2020, 23/9/2020 trên WhatsApp giữa bà với ông Gunadhar S là không có. Xét Vi bằng đã lập 844/2022/VB-TPL ngày 12/5/2022 có đoạn tin nhắn ngày 22/9/2020, 23/9/2020 trên app WhatsApp giữa bà với ông Gunadhar S thể hiện số điện thoại gửi đến là số +84 90 997 84 10 như vậy bà H cho rằng không phải do bà nhắn tin là không có cơ sở. Căn cứ Hợp đồng lao động số BOIHCMC/PRS/19-20/130 ngày 23/9/2019 thì ngày hết hạn hợp đồng là ngày 22/9/2020, nguyên đơn cho rằng hết hạn hợp đồng bà vẫn đến làm việc từ ngày 23/9/2020 đến hết 13h21 ngày 25/9/2020 theo yêu cầu và xác nhận của gân hàng tại biên bản bàn giao quyết định thôi việc, xét thấy tin nhắn ngày 22, 23/9/2020 từ số điện thoại của bà H có nội dung: *"Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi theo hợp đồng hiện tại… Vì vậy ngày mai tôi đến văn phòng và bàn giao công việc hiện tại của tôi cho ông A1… Thực sự mức lương hiện tại chỉ bằng một nửa so với mức lương trước đây của tôi…Tôi cần một công việc ổn định, không áp lực để chăm sóc mẹ của tôi…Và mức lương được đề xuất dựa trên điều này…Nhưng nếu trụ sở chính chính thức từ chối thì tôi không có lựa chọn nào khác…Rất khó khăn để tìm kiếm một công việc trong khoảng thời gian này nhưng tôi không có sự lựa chọn nào khác...Ngày mai tôi sẽ đến bàn giao công việc cho ông A2 và rời đi…Tôi ổn thưa ông, đây chỉ là sự lựa chọn… "* và ông Gunadha S1 trả lời với nội dung: *"chúng tôi chỉ có thể làm điều gì đó sau khi có xác nhận từ trụ sở chính…Hãy hoàn thành những việc cần làm tại văn phòng vào ngày mai. Điều quan trọng hơn hết đó là sự lựa chọn của chúng tôi…chúng tôi đã cập nhật vấn đề này với S2 và trụ sở chính…",* đoạn tin nhắn thể hiện bà H đã biết hợp đồng lao động của bà kết thúc ngày 22/9/2020, giữa hai bên đang thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng có tiếp tục ký hợp đồng lao động hay không đồng thời bà H có thông báo cho ông S1 biết ngày mai tức ngày 23/9/2020 bà sẽ đến để bàn giao công việc cho ông A2 tức là ông Avinash K lúc

này đang là Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh và việc này được bà H lập lại hai lần. Đối với ngày 24/9/2020 theo bị đơn khai vào ngày này tài khoản làm việc của bà H đã bị khóa, điều này phù hợp với nội dung biên bản làm việc có mặt Công an phường B, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận: "*Vào khoảng 11 giờ 30 ngày 25/9/2020, Công an phường B nhận được tin báo tại Ngân hàng... Ý kiến bà H: Ngân hàng đã khóa hệ thống máy tính của tôi từ ngày 24/9/2020...*" , tại phiên tòa bà H cho biết công việc hằng ngày của bà hầu hết đều được làm trên máy tính tài khoản của Ngân hàng do Ngân hàng quản lý nên bà mới không chứng minh được các ngày này bà có vào làm việc. Còn sáng ngày 25/9/2020, theo biên bản có Công an Phường ngày 25/9/2020 ghi nhận: *"Vào khoảng 11 giờ 30 ngày 25/09/2020, công an phường B nhận được tin báo tại Ngân hàng B- Chi nhánh T địa chỉ: P và 203 tầng 2. Cao ốc Saigon Trade C, số C T, p. B, Quận A có xảy ra sự việc gây mất trật tự và xô xát.",* căn cứ theo biên bản này cho thấy sự việc xô xát phải có trước 11 giờ 30 phút, tài liệu chứng cứ thể hiện bà H không làm việc sáng 25/9/2020 mà chỉ có việc ông Gunadhar S giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho bà H. Cấp sơ thẩm cho rằng bà H có làm việc từ ngày 23/9/2020 đến 13g21 phút ngày 25/9/2020 nên xác định giữa các bên phát sinh hợp đồng lao động không xác định là chưa phù hợp.

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Bộ động năm 2012 quy định *"Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn"*, quy định trên được hiểu nếu để người lao động tiếp tục làm việc mà không ký hợp đồng mới thì sau 30 ngày kể từ ngày hợp đồng mà các bên đã giao kết hết hạn, hợp đồng này sẽ tự động trở thành hợp đồng không xác định thời hạn. Ngày 22/9/2020 Ngân hàng đã có quyết định số BOIHCMC/A VK/001 về việc chấm hợp đồng lao động đối với bà H, quyết định này đã được gửi thư điện tử cho bà H ngày 24/9/2020 và giao trực tiếp ngày 25/9/2020. Bà H cho rằng quyết định gửi thư cho bà không phải do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ký nên không hợp lệ, Ngân hàng cho rằng vì bà H là người phụ trách pháp chế nên khi bà H nghỉ chưa có ai thay thế, nên ông Gunadhar S đã tiếp quản công việc, xét thấy theo quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động là do ông Avinash K ký ngày 22/9/2020, thời điểm này ông Avinash K không phải là người đại diện theo pháp luật mà là ông Raja Shekhar P1 nhưng theo giấy ủy quyền ngày 27/8/2020 thì ông Raja Shekhar P1 có ủy quyền cho ông Avinash K được quyền thay ông ký các văn bản liên quan, xét về thẩm quyền ban hành quyết định thì quyết định do ông Avinash K ký mà bà H nhận ngày 25/9/2020 là hợp lệ.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho người lao động trước thời hạn kết thúc hợp đồng là vi phạm quy định khoản 1 Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012, bị đơn cho rằng sở dĩ Ngân hàng

không có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho bà H vì bà H là người duy nhất phụ trách pháp lý cho Ngân hàng nên nếu bà H không làm thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho người lao động thì không ai làm công việc này. Bà H cho biết bà là nhân viên tuân thủ chỉ phụ trách về pháp luật Việt Nam liên quan toàn bộ giao dịch của Ngân hàng chứ không phụ trách mảng pháp lý nhân sự cho Ngân hàng, Ngân hàng có ký hợp đồng dịch vụ với Công ty luật để phụ trách pháp chế. Căn cứ vào phân bổ công việc ngày 27/5/2019 tại hợp đồng lao động được ký kết giữa các bên cho thấy Nhân viên tuân thủ chịu trách nhiệm về các công việc sau: Các công việc về pháp lý trong đó nhiệm vụ hằng ngày có *"...Rà soát các chính sách, hướng dẫn, hợp đồng & các văn bản khác của Ngân hàng... Cung cấp tư vấn pháp lý thông qua liên lạc với các chuyên gia tư vấn pháp lý, quản lý tất cả thể chế, vấn đề lao động và tuân thủ."*, như vậy có cơ sở xác định nguyên đơn có phụ trách pháp lý về lao động của Ngân hàng nên trình bày của bị đơn là có sơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên cho thấy giữa bà H và Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H đã không tồn tại hợp đồng lao động không xác định thời hạn như nguyên đơn trình bày, vì vậy bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động như Cấp sơ thẩm đã kết luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí lao động:

[3.1] Án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Minh H được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm. Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[3.2] Về án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, Điều 95, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 22, Điều 41, Điều 47 của Bộ luật Lao động năm 2012; Luật Thi hành án dân sự; ngày 08/01/2020 quy định về vi bằng, thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng, giá trị pháp lý của ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ngân hàng B - Chi nhánh Thành Phố H. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H về việc buộc bị đơn Ngân hàng B – Chi nhánh Thành Phố H:

2.1 Bồi thường tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

2.2. Trả tiền lương cho những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc tính đến ngày xét xử là 36 tháng 02 ngày (từ ngày 25/9/2020 đến ngày 27/9/2023) là 1.082.000.000 (một tỷ không trăm tám mươi hai triệu) đồng (mức lương: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/tháng) và bồi thường với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Tổng cộng: 1.142.000.000 đồng;

2.3. Trả tiền hiểm xã hội, hiểm y tế theo mức lương tháng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/tháng cho những ngày bà Trương Thị Minh H không được làm việc từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử là ngày 27/9/2023 theo quy định pháp luật.

2.4. Yêu cầu Ngân hàng B – Chi nhánh Thành phố H nhận bà trở lại làm việc. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý, đề nghị Ngân hàng thanh toán số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm:

3.1. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Trương Thị Minh H được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm. Ngân hàng B – Chi nhánh Thành phố H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Về án phí lao động phúc thẩm: Ngân hàng B – Chi nhánh Thành Phố H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. H1 lại cho Ngân hàng B – Chi nhánh Thành Phố H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0044912 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q. 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

Doãn Thị Kim Thúy